

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-04-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Thọ - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tấn và ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ngày 27 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 158/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 03 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con khi ly hôn” theo quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị K; nơi thường trú: Xóm 3, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú: Xóm Tung Kết, xã Ia Hla, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Xuân N; nơi cư trú: Xóm 3, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 03 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị K trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Xuân N đăng ký kết hôn vào ngày 19/07/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Trước khi đăng ký kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không ai, lừa dối, ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn cho đến nay.

Nguyên nhân: Tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau. Chị đã bỏ về ngoại sống ly thân, cắt mọi quan hệ vợ chồng đã hai năm và Chị đã quan hệ với người khác có con riêng.

Hiện nay tình N vợ chồng không còn nữa, Chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

-Về con chung: Vợ chồng có 03 con là Trần Thị Thu Hiền, sinh ngày 08/04/2011; Trần Phi Hùng, sinh ngày 24/09/2012; Trần Hoàng Hải, sinh ngày 29/11/2015.

Hiện nay anh N đang nuôi dưỡng các con. Các con đều khỏe mạnh.

Nếu ly hôn Chị có nguyện vọng giao các con cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng và Chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.500.000 đồng.

-Về tài sản và N vụ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về Tố tụng: Bị đơn anh Trần Xuân N đã được Tòa án triệu tập họp lệ phiên hòa giải lần thứ 2 mà vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được, theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Bùi Thị K và bị đơn anh Trần Xuân N đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Về Hôn nhân: Chị Bùi Thị K và Trần Xuân N được Ủy ban nhân dân xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57/2010 ngày 19 tháng 07 năm 2010, thủ tục, điều kiện kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng sống hạnh phúc được năm năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình vợ chồng không hợp nhau, xúc phạm nhau, sống không chung thủy. Vợ chồng sống ly thân, cắt mọi quan hệ đã 02 năm.

Ủy ban nhân dân xã Long Thành đã xác nhận tình trạng hôn nhân và con của vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã vận động thuyết phục chị K về đoàn tụ gia đình nhưng chị K không chấp nhận.

Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị K đã thỏa mãn những căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đủ cơ sở chấp nhận cho ly hôn.

[3] Về nuôi con: Vợ chồng có 03 con là Trần Thị Thu Hiền, sinh ngày 08/04/2011; Trần Phi Hùng, sinh ngày 24/09/2012; Trần Hoàng Hải, sinh ngày 29/11/2015.

Hiện nay anh N đang trực tiếp, nuôi dưỡng các con.

Chị K có nguyện vọng giao các con cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, Chị K sống chung với người khác và có con riêng, chị K có nguyện vọng giao con cho anh N nuôi dưỡng, các con có nguyện vọng ở với Bố. Để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu nên cần giao anh N tiếp tục nuôi dưỡng 03 con là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về N vụ cấp dưỡng cho con: Chị K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cấp dưỡng nuôi con là N vụ của người không trực tiếp nuôi con, chị K hiện nay có mức thu nhập bình quân từ 10 triệu đến 12 triệu đồng nên chấp nhận sự tự nguyện của chị K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.500.000 đồng là phù hợp.

[5] Về chia tài sản và N vụ tài sản chung: Chị K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị K.

1. Về Hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị K và anh Trần Xuân N.

2. Về nuôi con chung:

Giao 03 con là Trần Thị Thu Hiền, sinh ngày 08/04/2011; Trần Phi Hùng, sinh ngày 24/09/2012; Trần Hoàng Hải, sinh ngày 29/11/2015 cho anh Trần Xuân N tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị K có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con:

Chị Bùi Thị K có N vụ cấp dưỡng cho con chung cho anh Trần Xuân N mỗi tháng 4.500.000 (Bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng (1.500.000 đồng/tháng/1 con), kể từ tháng 05 năm 2022 đến khi con thành niên.

Chị K, anh N có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con trên cơ sở lợi ích của con.

4. Án phí: Chị Bùi Thị K phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011188 ngày 24 tháng 03 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Chị Bùi Thị K còn phải nộp tiếp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm.

5. Thi hành án và N vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả;
- Đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ